

Số: 49/2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2382/TTr-SCT ngày 15 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2025 và thay thế Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023

của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng thời bãi bỏ khoản 21 Điều 1 Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật và một số Quyết định cá biệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước thuộc lĩnh vực công thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình và Đồng Nai;
- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp;
- Lưu: VT, KTNS, KTN (120 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Long



QUY ĐỊNH

Quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 49 /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các làng nghề được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

Chương II

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG

Điều 3. Trình tự xây dựng, triển khai chương trình khuyến công

Định kỳ từng giai đoạn 05 năm, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, xây dựng, tổng hợp chương trình khuyến công cho giai đoạn tiếp theo, cụ thể:

1. Nội dung chương trình khuyến công

a) Cơ sở xây dựng chương trình khuyến công

- Kết quả thực hiện chương trình khuyến công của giai đoạn 05 năm trước;
- Nhu cầu thực tế của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn;

- Đăng ký danh mục đề án, nhiệm vụ khuyến công giai đoạn 05 năm của Ủy ban nhân dân cấp xã và của Sở Công Thương;

b) Báo cáo đăng ký chương trình khuyến công bao gồm:

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác khuyến công giai đoạn trước và định hướng công tác khuyến công của giai đoạn tiếp theo;

- Biểu tổng hợp nội dung chương trình, kinh phí thực hiện (bao gồm kinh phí khuyến công hỗ trợ, kinh phí của đơn vị thụ hưởng và kinh phí khác nếu có).

2. Trình tự xây dựng chương trình khuyến công

a) Định kỳ năm cuối thực hiện chương trình khuyến công 05 năm, Sở Công Thương triển khai xây dựng chương trình khuyến công địa phương tỉnh cho giai đoạn tiếp theo.

b) Trên cơ sở xây dựng chương trình khuyến công được quy định tại khoản 1 Điều này và hướng dẫn của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Phòng Kinh tế/ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (sau đây gọi tắt là Phòng Kinh tế) triển khai xây dựng danh mục đề án, nhiệm vụ khuyến công (đăng ký hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công tỉnh) giai đoạn 05 năm, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, gửi đăng ký về Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp).

c) Trên cơ sở đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp rà soát các đề án khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký và bổ sung thêm các đề án, nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp để hoàn thiện dự thảo chương trình khuyến công, trình Sở Công Thương để lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương.

d) Sở Công Thương tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan, tổng hợp các ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh dự thảo chương trình khuyến công trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Quyết định phê duyệt chương trình khuyến công của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm.

Điều 4. Trình tự xây dựng, triển khai kế hoạch khuyến công

1. Đối với kế hoạch khuyến công tỉnh

a) Kế hoạch khuyến công được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp. Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công bao gồm:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công theo Mẫu số 2 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-

BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

b) Căn cứ hướng dẫn của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công về xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia, Sở Công Thương rà soát, lựa chọn một số đề án phù hợp trong danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định của Bộ Công Thương.

c) Căn cứ chương trình khuyến công được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Công Thương rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ theo danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công cấp xã và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp (trừ nguồn những đề án đã đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia) và bổ sung thêm nhiệm vụ của Sở Công Thương tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

d) Sở Công Thương thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định tại Điều 11 của Quy định này cho phù hợp với dự toán kinh phí khuyến công được giao của cấp có thẩm quyền, gửi Sở Tài chính có ý kiến về nguồn kinh phí theo quy định. Sau khi có ý kiến của Sở Tài chính và các đơn vị liên quan, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

đ) Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công và dự toán thu chi ngân sách hàng năm được giao, Sở Công Thương thông báo giao kế hoạch kinh phí khuyến công cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đối với kế hoạch khuyến công cấp xã

a) Kế hoạch khuyến công cấp xã được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công của Phòng Kinh tế. Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công cấp xã bao gồm:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ khuyến công theo Mẫu số 2 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

b) Căn cứ hướng dẫn của Sở Công Thương về xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm, Phòng Kinh tế rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ phù hợp trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, gửi Sở Công Thương đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh theo quy định.

c) Phòng Kinh tế rà soát, lựa chọn nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công cấp xã (trừ nguồn những đề án đã đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh) tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Phòng Kinh tế báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách của địa phương theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp xã và dự toán thu chi ngân sách hàng năm được giao, đơn vị được giao chủ trì thực hiện tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt.

Điều 5. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch khuyến công

1. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh

a) Thẩm định kế hoạch khuyến công tỉnh

Giám đốc Sở Công Thương tổ chức thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công tỉnh thông qua bộ máy giúp việc hoặc Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập. Giám đốc Sở Công Thương có thể quyết định mời các chuyên gia, cán bộ chuyên môn tư vấn trong việc lựa chọn các đề án, nhiệm vụ khi thẩm định.

b) Phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh

Sau khi thẩm định, Sở Công Thương hoàn thiện hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Tờ trình của Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê duyệt kế hoạch khuyến công; Biên bản thẩm định;
- Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công của Ủy ban nhân dân tỉnh, kèm biểu tổng hợp chi tiết các đề án, nhiệm vụ khuyến công.

2. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp xã

a) Thẩm định kế hoạch khuyến công cấp xã

Phòng Kinh tế tổ chức thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công, có thể mời các chuyên gia, cán bộ chuyên môn tư vấn trong việc lựa chọn các đề án, nhiệm vụ khi thẩm định.

b) Phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp xã

Sau khi thẩm định, Phòng Kinh tế hoàn thiện hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp xã. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp xã gồm:

- Tờ trình của Phòng Kinh tế trình Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp xã; Biên bản thẩm định;
- Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm biểu tổng hợp chi tiết các đề án, nhiệm vụ khuyến công.

Điều 6. Hồ sơ và thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công

1. Đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh

a) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đăng ký kế hoạch khuyến công về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công.

b) Thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đăng ký kế hoạch khuyến công trước ngày 20 tháng 5 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương).

c) Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp tổng hợp danh mục kế hoạch khuyến công tự thực hiện và đăng ký kế hoạch khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp xã để lập báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này gửi Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 6 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương).

2. Đăng ký kế hoạch khuyến công cấp xã

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi đăng ký kế hoạch khuyến công về Ủy ban nhân dân cấp xã gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị của cơ sở công nghiệp nông thôn;
- Danh mục đề án đăng ký kế hoạch khuyến công.

b) Thời gian các cơ sở công nghiệp nông thôn gửi đăng ký kế hoạch khuyến công cấp xã thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương III

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ KHUYẾN CÔNG

Điều 7. Nguyên tắc lập đề án khuyến công

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai.

3. Phù hợp với chương trình khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương có liên quan về hoạt động khuyến công.

Điều 8. Tiêu chí chung và tiêu chí ưu tiên lựa chọn đề án

1. Tiêu chí chung

a) Phù hợp với nguyên tắc lập đề án theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

b) Nội dung hoạt động khuyến công có tác động khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi địa phương.

2. Tiêu chí ưu tiên

a) Ưu tiên các đề án khuyến công điểm; xét ưu tiên về ngành nghề, địa bàn theo quy định.

b) Trong trường hợp các đề án khuyến công đăng ký triển khai trên địa bàn có điều kiện như nhau, ngành nghề như nhau, ưu tiên các đề án khuyến công có đơn vị thụ hưởng là các tổ hợp tác, hợp tác xã.

Điều 9. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công

Đề án khuyến công có những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.
2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.
3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.
4. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.
5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.
6. Dự toán kinh phí được lập chi tiết theo Biểu mẫu số 01 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT.
7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.
8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

Điều 10. Hồ sơ đề án khuyến công thẩm định và thời gian gửi hồ sơ

1. Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã 03 bộ hồ sơ đề án khuyến công đã đăng ký trước ngày 01 tháng 8 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã).

Hồ sơ đề án khuyến công gồm:

- a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của cơ sở công nghiệp nông thôn.
- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- c) Tờ khai doanh nghiệp nhỏ và vừa kèm báo cáo tài chính gần nhất (nếu đơn vị thụ hưởng thuộc đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa).
- d) Tài liệu liên quan khác phục vụ công tác thẩm định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã gửi 03 bộ hồ sơ đề án khuyến công theo quy định tại khoản 1 Điều này về Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến

công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp) đối với các đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh, trước ngày 15 tháng 8 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương).

3. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp gửi 02 bộ hồ sơ đề án khuyến công đã đăng ký hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công (đối với đề án điểm) về Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 9 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương) để thẩm định.

Hồ sơ đề án khuyến công gồm: Hồ sơ đề án khuyến công đã đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp xã; đề án khuyến công được lập theo quy định tại Điều 9 Quy định này; các tài liệu kèm theo như quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

Điều 11. Nội dung thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công

1. Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc được quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

3. Năng lực của đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

4. Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

5. Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

Điều 12. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công

1. Các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài (sử dụng kinh phí khuyến công hỗ trợ cho một hội chợ, triển lãm); hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp; các đề án truyền thông.

2. Ngoài các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều này, các đề án, nhiệm vụ khác thực hiện theo phương thức xét chọn theo tiêu chí chung và tiêu chí ưu tiên lựa chọn đề án quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Điều 13. Phương thức triển khai thực hiện đề án nhóm, đề án điểm

1. Đề án nhóm

Đề án nhóm không yêu cầu phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp khi thẩm định. Riêng đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phải lập theo từng lĩnh vực, sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của địa phương trên cơ sở danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, chủng loại máy móc thiết bị khi thẩm định và xác định đơn vị phối hợp, thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị khi lập kế hoạch triển khai để làm cơ sở ký kết hợp đồng khuyến công.

2. Đề án điểm

a) Khi thẩm định đề án, các nội dung hoạt động khuyến công trong năm đầu kế hoạch phải xác định cụ thể địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, trừ các nội dung theo nhóm thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với việc xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo: Sở Công Thương chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh nội dung hoạt động khuyến công phù hợp với tình hình thực tế, lập thành kế hoạch khuyến công cho năm dự toán ngân sách trên cơ sở đã xác định cụ thể các nội dung yêu cầu như đối với năm đầu kế hoạch để thẩm định theo quy định.

c) Đề án điểm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện năm đầu kế hoạch, sẽ được ưu tiên bố trí kinh phí các năm tiếp theo để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 14. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công

1. Đối với các đề án thuộc kế hoạch khuyến công tỉnh

Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp phải có văn bản gửi Sở Công Thương, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án. Trường hợp đề án do Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký, phải có văn bản giải trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Sau khi xem xét lý do, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh trong kế hoạch khuyến công tỉnh.

Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Sở Công Thương xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt ngừng thực hiện.

2. Đối với các đề án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, và tổ chức thực hiện

a) Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công của Phòng Kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.

b) Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Phòng Kinh tế xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã, quyết định phê duyệt ngừng thực hiện.

Chương IV

TẠM ỨNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG VÀ CHỨNG TỪ CHI ĐỐI VỚI MỘT SỐ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

Điều 15. Nguyên tắc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí khuyến công

1. Việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành, phù hợp với tiến độ thực hiện đề án, đảm bảo quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ cho các hợp đồng phục vụ các hoạt động khuyến công thực hiện theo Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong việc sử dụng kinh phí đều phải có chứng từ hợp pháp theo quy định, tuân thủ chế độ tài chính hiện hành và các quy định tại Quy định này.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng chế độ, quyết toán kinh phí đã sử dụng với cơ quan có thẩm quyền; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán và những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán sai chế độ.

5. Các tổ chức, cá nhân phải hoàn trả nộp ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí đã tạm ứng nhưng không có khối lượng thanh toán, những khoản kinh phí đã sử dụng nhưng không được quyết toán theo chế độ quy định.

Điều 16. Chứng từ chi

Chứng từ chi là toàn bộ chứng từ thanh toán gồm phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi hoặc giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và chứng từ gốc của từng nội dung chi theo quy định hiện hành, theo quy định cụ thể tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

Điều 17. Thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí

1. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu đề án cuối cùng trong năm kế hoạch, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định, nhưng không được chậm quá thời gian theo thông báo của Kho bạc Nhà nước.

2. Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện đề án vì lý do bất khả kháng, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện hoặc gia hạn việc triển khai thực hiện đề án sang năm tiếp theo, hồ sơ để thanh lý, quyết toán hợp đồng trong trường hợp này gồm: Văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đề án; Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đề án do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với đề án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện); Biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng đã thực hiện; Chứng từ chi cho khối lượng công việc đã thực hiện theo quy định.

Điều 18. Hồ sơ thanh quyết toán

1. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí khuyến công gồm: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi tiết kinh phí; Hợp đồng hỗ trợ (đối với đề án mà đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng); Biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Mẫu số 8a được ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Chứng từ chi và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

2. Đối với các đề án được nhà nước hỗ trợ kinh phí theo tỷ lệ phần trăm tổng kinh phí thực hiện, đơn vị thực hiện phải lập bảng kê chứng từ đề nghị quyết toán, bao gồm cả phần kinh phí từ nguồn khác kèm theo toàn bộ chứng từ chi.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công khi được phê duyệt.

2. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công tỉnh.

3. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định đề án; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án, nhiệm vụ và việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định hiện hành.

4. Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo Phòng Kinh tế xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công cấp xã.

2. Hàng năm, căn cứ chương trình khuyến công địa phương theo giai đoạn (05 năm) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tình hình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh và phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp xã theo quy định của pháp luật và các quy định tại Quy định này.

3. Chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công cấp xã; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Phối hợp Sở Công Thương kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu chương trình khuyến công trên địa bàn; tham gia thẩm định, nghiệm thu các đề án khuyến công tỉnh theo quy định tại Quy định này.

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện đề án

1. Lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán các đề án, nhiệm vụ khuyến công; các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thực hiện hoạt động khuyến công.

2. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán theo quy định tại Quy định này; sử dụng kinh phí đúng dự toán, đảm bảo hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

3. Đối với các đề án lập theo nhóm, sau khi được giao kế hoạch đơn vị thực hiện đề án rà soát và lập kế hoạch trình Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt kế hoạch để tổ chức thực hiện.

4. Trách nhiệm tổng hợp báo cáo

a) Khi kết thúc thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án, báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện (kèm hồ sơ khi thanh lý, quyết toán hợp đồng).

b) Tổng hợp báo cáo đột xuất, báo cáo phục vụ kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các đề án và việc sử dụng kinh phí khuyến công.

6. Tham gia nghiệm thu các đề án khuyến công theo hợp đồng đã ký đúng quy định.

7. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án.

Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công

1. Phối hợp với đơn vị thực hiện trong quá trình xây dựng đề án, triển khai thực hiện đề án theo các nội dung được phê duyệt và các điều khoản trong hợp đồng thực hiện đề án ký với đơn vị thực hiện.

2. Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu và điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết phục vụ công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu đề án, nhiệm vụ khuyến công; thực hiện thanh lý và quyết toán kinh phí khuyến công được hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin, tài liệu, các loại báo cáo và các văn bản có liên quan đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong quá trình xây dựng và thực hiện đề án.

4. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến đề án khuyến công đã triển khai để phục vụ công tác hậu kiểm; tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án khuyến công; lập báo cáo và cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan theo yêu cầu của đoàn kiểm tra, giám sát.

5. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công đơn vị thụ hưởng phải có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị thực hiện, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 24. Các sở, ban, ngành khác có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hỗ trợ và tạo điều kiện thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công; tham gia thẩm định đề án, nhiệm vụ khuyến công theo đề nghị của Sở Công Thương.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp./.